

Bản án số: 224/2022/KDTM-ST
Ngày: 30/9/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đông A – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Triệu Thúy Hà.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Đức Lưu;**

2. Bà **Ngô Thị Yên.**

- Thư ký phiên toà: Ông **Hoàng Minh Anh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông A, Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Đỗ Thị Kim Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông A, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 293/2021/TLST-KDTM ngày 30 tháng 12 năm 2022 việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 45/2022/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 7 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2022/QĐST-KDTM ngày 26/7/2022, Thông báo mở lại phiên tòa, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02, Láng H, phường Thành C, quận Ba Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Xuân L - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh Đông A.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Đăng Q - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Cổ Loa thuộc Ngân hàng N - Chi nhánh Đông A. (Theo Quyết định uỷ quyền số 70/UQ-NHNo.ĐA ngày 24/01/2021 của Giám đốc ngân hàng N Chi nhánh Đông A).

Bị đơn: Công ty Cổ phần X.

Địa chỉ: Thôn Phương T, xã Vĩnh N, huyện Đông A, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh C, sinh năm 1988; Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1961(Theo thông báo chỉ định người tham gia tố tụng của Toà án nhân dân huyện Đông A ngày 23/02/2022).

Cùng trú tại: thôn Phương T, xã Vĩnh N, huyện Đông A, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1988; Trú tại: Thôn Phương T, xã Vĩnh N, huyện Đông A, TP.Hà Nội.

Có mặt: ông Q.

Vắng mặt: Các đương sự còn lại.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2022, người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:*

1. Quan hệ tín dụng:

Ngày 12/01/2016, Ngân hàng N – Chi nhánh Đông A (gọi tắt là “ngân hàng N Chi nhánh Đông A”) và Công ty cổ phần X ký Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-201600160 với một số nội dung chính như sau:

Hạn mức cấp tín dụng: 18.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tám tỷ đồng chẵn)

Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng

Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động để nhập VLXD, xi măng...phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh

Phương thức áp dụng lãi suất: Lãi suất điều chỉnh từng thời điểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng N và thông báo điều chỉnh lãi suất của Chi nhánh Đông A.

Thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ: Thời hạn cho vay, kỳ hạn nợ cụ thể hai bên thỏa thuận và ghi trong giấy nhận nợ

Mức lãi suất cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng: 8,5%/năm

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn

Ngày 26 tháng 06 năm 2017 và ngày 01/07/2020 ngân hàng N Chi nhánh Đông A và Công ty cổ phần X lần lượt ký các phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ và phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ về việc cơ cấu khoản vay thay đổi kỳ hạn trả nợ gốc, lãi.

Thực hiện theo đúng thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số 3140- LAV - 201600160 và các phụ lục kèm theo, ngân hàng N Chi nhánh Đông A đã nhiều lần giải ngân cho Công ty cổ phần X. Thông tin cụ thể từng lần giải ngân còn dư nợ như sau:

Hiện, tổng dư nợ gốc và lãi của cổ phần X tạm tính đến hết ngày 17/11/2021 tại

Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Ngày quá hạn gốc	Số tiền giải ngân	Dư nợ hiện tại	Tổng lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Đã trả lãi đến	Số tiền lãi đã trả
12/01/2017	12/07/2021	13/7/2021	895,000,000	10,000,000	344,687,986	406,748	3/4/2021	326,065,900
16/01/2017	16/07/2021	17/7/2021	875,000,000	10,000,000	336,168,832	392,979	30/9/2020	279,732,642
08/02/2017	09/08/2021	10/8/2021	3,512,000,000	121,804,000	1,331,113,294	3,867,611	30/9/2020	1,103,694,781
20/02/2017	20/08/2021	21/8/2021	751,000,000	751,000,000	290,441,477	21,249,185	30/9/2020	233,884,346
03/03/2017	06/09/2021	7/9/2021	797,000,000	797,000,000	309,001,237	18,291,150	30/9/2020	246,140,168

ngân hàng N Chi nhánh Đông A là 2,155,906,662 đồng. Trong đó:

Số nợ gốc: 1,689,804,000 đồng

Số nợ lãi trong hạn: 421,894,989 đồng

Số nợ lãi quá hạn: 44,207,673 đồng

2. Quan hệ thế chấp tài sản:

Tài sản thế chấp bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ cụ thể như sau:

2.1. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 433/TC/2012 ngày 20/06/2012

Ngày 20/6/2012 ông Nguyễn Xuân C đã thế chấp tài sản cho ngân hàng N Chi nhánh Đông A để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần X theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 433/TC/2012 tại Văn phòng Công chứng Đông A Theo đó, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 107, tờ bản đồ số 46, diện tích 220 m² tại địa chỉ Thôn Vĩnh T, Xã Vĩnh N, huyện Đông A, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AN 452361 do UBND huyện Đông A cấp ngày 31/12/2008 cho ông Nguyễn Xuân C

Ngày 22/6/2012 Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đông A chứng nhận việc thế chấp nêu trên đã được đăng ký theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/7/2021, do Công ty cổ phần X đã trả đủ số tiền theo phạm vi bảo đảm của tài sản căn cứ theo hợp đồng thế chấp số công chứng 433/TC/2012 ngày 20/06/2012 nên ngân hàng N Chi nhánh Đông A đã tiến hành giải chấp tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 107, tờ bản đồ số 46, diện tích 220 m² tại địa chỉ Thôn Vĩnh T, Xã Vĩnh N, huyện Đông A, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AN 452361.

2.2. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 7674/2011/HĐTC ngày 27/9/2011

Ngày 27/9/2011 hộ gia đình ông Hoàng Văn Huân đã thế chấp tài sản cho ngân hàng N Chi nhánh Đông A để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần X theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 7674/2011/HĐTC tại Văn phòng Công chứng Trung Tâm. Theo đó, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 5, diện tích 65 m² tại địa chỉ Thôn Phương T, xã Vĩnh N, huyện Đông A, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số M 277190 do UBND huyện Đông A cấp ngày 28/04/1999 cho hộ gia đình ông Hoàng Văn Huân.

Ngày 30/9/2011 Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đông A chứng nhận việc thế chấp nêu trên đã được đăng ký theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/7/2021, do Công ty cổ phần X đã trả đủ số tiền theo phạm vi bảo đảm của tài sản căn cứ theo hợp đồng thế chấp số công chứng 7674/2011/HĐTC ngày 27/9/2011 nên ngân hàng N Chi nhánh Đông A đã tiến hành giải chấp tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 5, diện tích 65 m² tại địa chỉ Thôn Phương T, xã Vĩnh N, huyện Đông A, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số M 277190.

2.3. Hợp đồng thế chấp Xe ô tô số công chứng 7730/2011/HĐTC ngày 29/9/2011

Ngày 27/9/2011 Công ty cổ phần X đã thế chấp tài sản cho ngân hàng N Chi nhánh Đông A để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 7730/2011/HĐTC tại Văn phòng Công chứng Trung Tâm. Theo đó, tài sản thế chấp là xe ô tô TOYOTA FORTUNER theo giấy đăng ký xe ô tô số 012751 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an tp Hà Nội cấp ngày 26/04/2010 cho Công ty cổ phần X.

Ngày 30/9/2011 Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội chứng nhận việc thế chấp nêu trên đã được đăng ký theo quy định của pháp luật.

2.4. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 7731/2011/HĐTC ngày 29/9/2011

Ngày 29/9/2011 Công ty cổ phần X đã thế chấp tài sản cho ngân hàng N Chi nhánh Đông A để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 7731/2011/HĐTC tại Văn phòng Công chứng Trung Tâm. Theo đó, tài sản thế chấp là máy ủi hiệu KOMATSU theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000067 ngày 27/9/2011 của Công ty TNHH B.

Ngày 30/9/2011 Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội chứng nhận việc thế chấp nêu trên đã được đăng ký theo quy định của pháp luật.

2.5. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 7729/2011/HĐTC ngày 29/9/2011

Ngày 29/9/2011 Công ty cổ phần X đã thế chấp tài sản cho ngân hàng N Chi nhánh Đông A để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 7729/2011/HĐTC tại Văn phòng Công chứng Trung Tâm. Theo đó, tài sản thế chấp là máy đào hiệu DAEWOO SOLAR200W-III theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000002 ngày 27/9/2011 của Công ty CP T và Chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu số NK/14971 XMCD ngày 05/8/2010 của cục Đăng kiểm Việt Nam.

Ngày 30/9/2011 Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội chứng nhận việc thế chấp nêu trên đã được đăng ký theo quy định của pháp luật.

2.6. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 471/TC/2013 ngày 26/6/2013

Ngày 26/6/2013 Công ty cổ phần X đã thế chấp tài sản cho ngân hàng N Chi nhánh Đông A để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 471/TC/2013 tại Văn phòng Công chứng Đông A. Theo đó, tài sản thế chấp là xe ô tô HUYNDAI theo giấy đăng ký xe ô tô số 108992 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an tp Hà Nội cấp ngày 14/11/2012 (đăng ký lần đầu ngày 19/5/2009) cho Công ty cổ phần X.

Ngày 26/6/2013 Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội chứng nhận việc thế chấp nêu trên đã được đăng ký theo quy định của pháp luật.

2.7. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 472/TC/2013 ngày 26/6/2013

Ngày 26/6/2013 Công ty cổ phần X đã thế chấp tài sản cho ngân hàng N Chi nhánh Đông A để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 472/TC/2013 tại Văn phòng Công chứng Đông A. Theo đó, tài sản thế chấp là máy ủi hiệu KOMATSU theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000002 ngày 08/3/2012 của Công ty TNHH M và hợp đồng mua bán ngày 08/3/2012.

Ngày 26/6/2013 Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội chứng nhận việc thế chấp nêu trên đã được đăng ký theo quy định của pháp luật.

2.8. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 474/TC/2013 ngày 26/6/2013

Ngày 26/6/2013 Công ty cổ phần X đã thế chấp tài sản cho ngân hàng N Chi nhánh Đông A để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 474/TC/2013 tại Văn phòng Công chứng Đông A. Theo đó, tài sản thế chấp là máy xúc hiệu KOBECO 200 theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000617 ngày 24/6/2013 của Công ty CP đầu tư xây dựng hạ tầng Hoàng Mai và hợp đồng mua bán số 14/T06/2013 ngày 24/6/2013.

Ngày 26/6/2013 Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội chứng nhận việc thế chấp nêu trên đã được đăng ký theo quy định của pháp luật.

2.9. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 475/TC/2013 ngày 26/6/2013

Ngày 26/6/2013 Công ty cổ phần X đã thế chấp tài sản cho ngân hàng N Chi nhánh Đông A để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 475/TC/2013 tại Văn phòng Công chứng Đông A. Theo đó, tài sản thế chấp là máy xúc đào hiệu DAEWOO theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000123 ngày 29/4/2013 của Công ty CP T và hợp đồng mua bán ngày 29/4/2013.

Ngày 26/6/2013 Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội chứng nhận việc thế chấp nêu trên đã được đăng ký theo quy định của pháp luật.

2.10. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 473/TC/2013 ngày 26/6/2013

Ngày 26/6/2013 Công ty cổ phần X đã thế chấp tài sản cho ngân hàng N Chi nhánh Đông A để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 473/TC/2013 tại Văn phòng Công chứng Đông A. Theo đó, tài sản thế chấp là máy xúc đào hiệu KOMATSU theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000117 ngày 15/01/2012 của Công ty CP đầu tư thương mại Ngọc Hòa và hợp đồng mua bán ngày 15/1/2012.

Ngày 26/6/2013 Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội chứng nhận việc thế chấp nêu trên đã được đăng ký theo quy định của pháp luật.

2.11. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 476/TC/2013 ngày 26/6/2013

Ngày 26/6/2013 Công ty cổ phần X đã thế chấp tài sản cho ngân hàng N Chi nhánh Đông A để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 476/TC/2013 tại Văn phòng Công chứng Đông A. Theo đó, tài sản thế chấp là máy đào hiệu DAEWOO theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000033 ngày 18/04/2012 của Công ty CP T và hợp đồng mua bán ngày 18/4/2012.

Ngày 26/6/2013 Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội chứng nhận việc thế chấp nêu trên đã được đăng ký theo quy định của pháp luật.

3. Yêu cầu Tòa án giải quyết:

ngân hàng N Chi nhánh Đông A đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ cũng như cử đại diện làm việc với Công ty cổ phần X để tìm ra phương án giải quyết. Tuy nhiên Công ty cổ phần X vẫn không trả đầy đủ số tiền nợ với ngân hàng. Theo đó, Công ty cổ phần X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Ngân hàng.

Vì vậy để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Ngân hàng N khởi kiện Công ty cổ phần X đến TAND huyện Đông A để yêu cầu tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty cổ phần X phải trả cho Ngân hàng N số tiền tạm tính đến hết ngày xét xử (là ngày 30/9/2022) tại ngân hàng N Chi nhánh Đông A:

Tổng cộng là: **2.337.109.426 đồng**. Trong đó:

Số nợ gốc: **1.689.804.000 đồng**

Số nợ lãi trong hạn: **421.578.100 đồng**

Số nợ lãi quá hạn: **228.727.326 đồng**

2. Buộc Công ty cổ phần X phải trả các khoản tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 01/10/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Trong trường hợp Công ty cổ phần X không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi, phí phát sinh thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp nêu trên để trả nợ Ngân hàng.

4. Trong trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ và lãi phát sinh thì Công ty cổ phần X vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng.

** Theo Biên bản lấy lời khai đề ngày 24/5/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan của bị đơn – chị Hoàng Thị Thu H trình bày:*

Việc ký kết Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp như phía nguyên đơn trình bày, chị H đồng ý, nội dung, hình thức Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp chị H không có ý kiến gì.

Để đảm bảo cho khoản vay trong Hợp đồng tín dụng, Công ty cổ phần X đã thế chấp tài sản gồm 03 thửa đất và một số động sản là ô tô và máy xúc (09 tài sản) có thể hiện bằng giấy tờ và Hợp đồng mua bán như phía nguyên đơn trình bày tại đơn khởi kiện.

Sau khi vay vốn tại Ngân hàng, Công ty sử dụng vốn để kinh doanh.

Quá trình kinh doanh gặp nhiều khó khăn, ông Hoàng Văn Đ, chồng chị H đồng thời là người đứng tên đại diện pháp nhân, là người điều hành chính hoạt động của doanh nghiệp chẳng may gặp tai nạn nên đã mất vào 05/02/2021. Do vậy, công ty càng gặp nhiều khó khăn.

Nay đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để cho Công ty Sông H được trả dần nợ gốc và giảm lãi cho Công ty Sông H.

Thời điểm chồng chị H mất, công ty chủ yếu do chồng chị H điều hành. Các thành viên công ty gồm: Hoàng Anh C, sinh năm 1988 (em trai sông Đ), Hoàng Văn K, sinh năm 1962 (bố của anh Đắc) tuy đứng tên thành viên nhưng thực chất không hiểu gì về việc kinh doanh của sông Đ. chị H đứng tên là kế toán của Công ty nhưng thực chất cũng không biết rõ việc kinh doanh như thế nào. Nay có đơn khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Toà án hoà giải để nguyên đơn cảm thông cho

thực trạng khó khăn của Công ty để từ đó có quyết định nhân văn, phù hợp, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho Công ty.

*** Tại phiên tòa xét xử,**

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện nguyên đơn trình bày bảng kê tình hình vay nợ đến ngày xét xử của Công ty cổ phần X. Theo đó, số tiền Công ty cổ phần X phải trả cho ngân hàng N tạm tính đến ngày xét xử (là ngày 30/9/2022) tại ngân hàng N Chi nhánh Đông A:

Tổng cộng là: **2.337.109.426 đồng**. Trong đó:

- Số nợ gốc: **1.689.804.000 đồng**
- Số nợ lãi trong hạn: **421.578.100 đồng**
- Số nợ lãi quá hạn: **228.727.326 đồng**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự.

- *Về tố tụng*: Quá trình tố tụng, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành pháp luật không đầy đủ.

- *Về nội dung vụ án*: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

- *Về án phí*: Vụ án áp dụng án phí có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty cổ phần X có trụ sở tại Thôn Phương T, xã Vĩnh N, huyện Đông A, TP Hà Nội. Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án huyện Đông A thụ lý vụ án đúng thẩm quyền.

- Về tổng đạt: Đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng hợp lệ.

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định pháp luật.

Về xét xử vắng mặt các đương sự: Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do dù đều được triệu tập hợp lệ nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự đó là đúng pháp luật.

Về luật áp dụng: Hợp đồng tín dụng ký kết tháng 01/2016, tuy nhiên được sửa đổi bổ sung nhiều lần năm 2017 sau khi Bộ luật dân sự 2017 có hiệu lực. Do vậy, luật áp dụng để giải quyết là Bộ luật dân sự 2015.

{2} Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

{3} Về nội dung:

{3.1} Hợp đồng tín dụng:

Các bên đương sự đều thừa nhận ký Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV - 201600160 ngày 12/01/2016. Hợp đồng hợp pháp về chủ thể, nội dung và hình thức. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, nguyên đơn đã nhiều lần giải ngân cho bị đơn thông qua Giấy nhận nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngân hàng.

Tính đến hết ngày 30/9/2022, bị đơn Công ty cổ phần X còn nợ ngân hàng N số tiền:

Tổng cộng là: **2.337.109.426 đồng**. Trong đó:

- Số nợ gốc: **1.689.804.000 đồng**
- Số nợ lãi trong hạn: **421.578.100 đồng**
- Số nợ lãi quá hạn: **228.727.326 đồng**

(Có Bảng kê tính lãi của ngân hàng lưu trong hồ sơ vụ án).

Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên được chấp nhận.

Bị đơn Công ty cổ phần X phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng N các khoản tiền trên và phải tiếp tục trả lãi từ ngày 01/10/2022 trên dư nợ gốc thực tế cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

{4.2} Về tài sản đảm bảo:

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay trên của Công ty cổ phần X là:

1. Máy ủi hiệu KOMATSU theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000067 ngày 27/9/2011 của Công ty TNHH B. Số khung: D80-12-12095; Số máy: NH-220-1169N25335.

Ngày 30/9/2011, Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội chứng nhận việc thế chấp nêu trên đã được đăng ký theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 7731/2011/HĐTC ngày 29/9/2011.

2. Máy đào hiệu DAEWOO SOLAR200W-III theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000002 ngày 27/9/2011 của Công ty CP T và Chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu số NK/14971 XMCD ngày 05/8/2010 của cục Đăng kiểm Việt Nam. Số khung: SL200W-III-0469; Số máy: D114 6600629EE;

Ngày 30/9/2011, Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội chứng nhận việc thế chấp nêu trên đã được đăng ký theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 7729/2011/HĐTC ngày 29/9/2011, tài sản thế chấp là

3. Máy ủi hiệu KOMATSU theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000002 ngày 08/3/2012 của Công ty TNHH M và hợp đồng mua bán ngày 08/3/2012. Số khung: 11017; Model: D41P-5 .

Ngày 26/6/2013, Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội chứng nhận việc thế chấp nêu trên đã được đăng ký theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 472/TC/2013 ngày 26/6/2013, tài sản thế chấp là

4. Máy xúc hiệu KOBECO 200 theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000617 ngày 24/6/2013 của Công ty CP đầu tư xây dựng hạ tầng Hoàng Mai và hợp đồng mua bán số 14/T06/2013 ngày 24/6/2013. Số khung: YNJ-0253; Model: SK 200.

Ngày 26/6/2013, Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội chứng nhận việc thế chấp nêu trên đã được đăng ký theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 474/TC/2013 ngày 26/6/2013, tài sản thế chấp là

5. Máy xúc đào hiệu DAEWOO theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000123 ngày 29/4/2013 của Công ty CP T và hợp đồng mua bán ngày 29/4/2013. Số khung: SL290LC-V-0044, Số máy: D1146TI700047EA.

Ngày 26/6/2013, Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội chứng nhận việc thế chấp nêu trên đã được đăng ký theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 475/TC/2013 ngày 26/6/2013, tài sản thế chấp là

6. Máy xúc đào hiệu KOMATSU (không rõ số khung số máy) theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000117 ngày 15/01/2012 của Công ty CP đầu tư thương mại Ngọc Hòa và hợp đồng mua bán ngày 15/1/2012.

Ngày 26/6/2013, Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội chứng nhận việc thế chấp nêu trên đã được đăng ký theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 473/TC/2013 ngày 26/6/2013, tài sản thế chấp là

7. Máy đào hiệu DAEWOO theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000033 ngày 18/04/2012 của Công ty CP T và hợp đồng mua bán ngày 18/4/2012. Ngày 26/6/2013 Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội chứng nhận việc thế chấp nêu trên đã được đăng ký theo quy định của pháp luật. Số khung: SL280LC-III-6620; Số máy: D2366400137CC

Ngày 26/6/2013 Công ty cổ phần X đã thế chấp tài sản cho ngân hàng N Chi nhánh Đông A để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 476/TC/2013 tại Văn phòng Công chứng Đông A.

8. Xe ô tô TOYOTA FORTUNER theo giấy đăng ký xe ô tô số 012751 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 26/4/2010 cho Công ty cổ phần X;

Hợp đồng thế chấp số công chứng 7730/2011/HĐTC kí ngày 29/09/2011 tại VPCC Trung Tâm và Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên có đầy đủ chữ ký của ông Hoàng Văn Đ.

9. Xe ô tô HUYNDAI mang biển kiểm soát 29C-059.68 theo giấy đăng ký xe

ô tô số 108992 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 14/11/2012 (đăng ký lần đầu ngày 19/5/2009) cho Công ty cổ phần X;

Hợp đồng thế chấp số công chứng 471/TC/2013 kí ngày 26/06/2013 tại VPCC Trung Tâm và Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên có đầy đủ chữ ký của ông Hoàng Văn Đ.

Các chủ thể ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật, tài sản thế chấp được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, trong hợp đồng thế chấp cả toàn bộ tài sản gắn liền trên đất. Như vậy hợp đồng thế chấp phù hợp pháp luật về cả hình thức và nội dung. Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

Về phạm vi bảo đảm của từng tài sản: Các tài sản thế chấp đều có phạm vi bảo đảm. Tuy nhiên, đến thời điểm xét xử, tổng phạm vi bảo đảm của 09 tài sản thế chấp nêu trên đã lớn hơn tổng dư nợ gốc và lãi. Theo Nguyên đơn, khi thu tiền nợ của bị đơn là thu gộp vào nợ chung, không tách riêng nợ được bảo đảm của từng tài sản cụ thể. Hơn nữa, bị đơn không chấp hành tố tụng, không khai báo và di chuyển tài sản đến để Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ, các tài sản thế chấp đều là tài sản có khấu hao. Giá trị tài sản bị giảm sút theo thời gian. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ nợ gốc và lãi. Số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm tương ứng với phạm vi bảo đảm của từng tài sản cụ thể theo hợp đồng thế chấp.

Số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ, bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả cho đến khi hết nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn tiếp tục chịu lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ cho nguyên đơn.

{5} Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung công Nhà nước.

{6} Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 298, 299, 318, 320, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, 266, 271, 273, 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Luật Thi hành án dân sự;
- Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2011 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty cổ phần X về việc “tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

2. Công ty cổ phần X có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng N các khoản tiền theo Hợp đồng tín dụng số 3140- LAV -201600160 và các phụ lục kèm theo tính đến ngày xét xử (là ngày 30/9/2022) tại ngân hàng N Chi nhánh Đông A:

Tổng cộng là: **2.337.109.426 đồng**. Trong đó:

- Số nợ gốc: **1.689.804.000 đồng**
- Số nợ lãi trong hạn: **421.578.100 đồng**
- Số nợ lãi quá hạn: **228.727.326 đồng**

(Có Bảng kê tính lãi của Ngân hàng lưu trong Hồ sơ vụ án).

Công ty cổ phần X có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng N từ ngày 01/10/2022 cho đến khi trả hết nợ trên dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-201600160 ngày 12/01/2016.

3. Trường hợp Công ty cổ phần X không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng N có quyền tự xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là:

- Xe ô tô TOYOTA FORTUNER theo giấy đăng ký xe ô tô số 012751 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 26/4/2010 cho Công ty cổ phần X;

- Xe ô tô HUYNDAI mang biển kiểm soát 29C-059.68 theo giấy đăng ký xe ô tô số 108992 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 14/11/2012 (đăng ký lần đầu ngày 19/5/2009) cho Công ty cổ phần X;

- Máy ủi KOMATSU theo hoá đơn giá trị gia tăng số 0000067 ngày 27/9/2011 của Công ty TNHH B;

- Máy ủi hiệu KOMATSU theo hoá đơn giá trị gia tăng số 0000002 ngày 08/3/2012 của Công ty TNHH M và hợp đồng mua bán ngày 08/3/2012;

- Máy xúc bánh xích hiệu KOBECO 200 theo hoá đơn giá trị gia tăng số 0000617 ngày 24/6/2013 của Công ty CP đầu tư xây dựng hạ tầng Hoàng Mai và hợp đồng mua bán số 14/T06/2013 ngày 24/6/2013;

- Máy đào bánh lốp hiệu DAEWOO SOLAR200W-III theo hoá đơn giá trị gia tăng số 0000002 ngày 27/9/2011 của Công ty CP T và chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu số NK/14971 XMCD ngày 05/8/2010 của cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Máy xúc đào hiệu DAEWOO theo hoá đơn giá trị gia tăng số 0000123 ngày 29/4/2013 của Công ty CP T và hợp đồng mua bán ngày 29/4/2013;

- Máy xúc đào hiệu KOMATSU theo hoá đơn giá trị gia tăng số 0000117 ngày 15/01/2012 của Công ty CP đầu tư thương mại Ngọc Hoà và hợp đồng mua bán ngày 15/01/2012.

- Máy đào hiệu DAEWOO theo hoá đơn giá trị gia tăng số 0000033 ngày 18/4/2012 của Công ty CP T và hợp đồng mua bán ngày 18/4/2012.

4. Nguyên đơn không được yêu cầu xử lý tài sản nằm ngoài Hợp đồng tài sản bảo đảm.

5. Số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì Công ty cổ phần X vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho nguyên đơn.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 78.742.188 đồng.

Ngân hàng N được nhận lại 37.559.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0045999 ngày 27/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông A.

Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành án.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đông A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Triệu Thúy Hà